

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**  
\*\*\*\*\*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**NÓI 5**

**Số tín chỉ: 02**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc**

**Năm 2022**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

- Tên học phần:** Nói 5
- Mã học phần:** NNTQ 050
- Số tín chỉ:** 2 (0,2)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ 3 (Kỳ 5)
- Phân bổ thời gian**
  - Lên lớp: 0 giờ lý thuyết, 60 giờ thực hành
  - Tự học: 60 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Học sau học phần Nói 4
- Giảng viên**

ST T	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thị Hồng Trang	0966518898	pthtrang@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0978693593	bttrang@saodo.edu.vn
3	TS. Nguyễn Xuân Giang	0912779326	nxgiang@saodo.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn

### 8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Nói 5 gồm 10 bài. Mỗi bài một chủ đề gồm 4 phần: Bài khóa, chú thích, luyện tập và bài đọc bổ sung. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cách dùng từ, cấu trúc câu, cách biểu đạt câu theo các chủ đề, rèn kỹ năng nói theo các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như: Gia đình và xã hội; hôn nhân; giáo dục; lựa chọn giữa công việc và nghỉ ngơi; sự khác biệt của các thể hệ trong tứ đại đồng đường, con đường tiêu thụ của hàng ngoại và hàng nội, ý thức bảo vệ môi trường,... giúp người học mở rộng vốn từ vựng, rèn luyện và phát triển kỹ năng nói thông qua các chủ đề khác nhau, qua đó giúp hình thành phản xạ giao tiếp, khả năng thuyết trình, thảo luận bằng tiếng Trung chuẩn mực ở trình độ trung cao cấp.

### 9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

#### 9.1 Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả mục tiêu</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Đáp ứng mục tiêu CTĐT</b>
<b>MT1</b>	<b>Kiến thức</b>		
MT1.1	Hiểu nghĩa, sử dụng đúng các từ vựng liên quan đến các chủ đề như: Gia đình và xã hội; hôn nhân; giáo dục; lựa chọn giữa công việc và nghỉ ngơi; sự khác biệt của các thể hệ trong tứ đại đồng đường, con đường tiêu thụ của hàng ngoại và hàng nội, bảo vệ môi trường,...	2	[1.2.1.2.a]
MT1.2	Vận dụng đúng cấu trúc câu để diễn đạt ý kiến của bản thân khi muốn tranh luận về các chủ đề có liên quan trong bài học.	3	[1.2.1.2.a]
MT1.3	Diễn đạt được bằng tiếng Trung quan điểm của mình về một vấn đề được đưa ra bàn luận trong bài như: Gia đình và xã hội; hôn nhân; giáo dục; lựa chọn giữa công việc và nghỉ ngơi; sự khác biệt của các thể hệ trong tứ đại đồng đường, con đường tiêu thụ của hàng ngoại và hàng nội, bảo vệ môi trường,...	4	[1.2.1.2.a]
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
MT2.1	Nghe hiểu các đoạn hội thoại và các mẫu tin có liên quan đến các chủ đề trong bài học như: Gia đình và xã hội; hôn nhân; giáo dục; lựa chọn giữa công việc và nghỉ ngơi; sự khác biệt của các thể hệ trong tứ đại đồng đường, con đường tiêu thụ của hàng ngoại và hàng nội, bảo vệ môi trường,...	3	[1.2.2.2]
MT2.2	Thuyết trình bằng tiếng Trung nói rõ quan điểm về vấn đề liên quan đến chủ đề trong bài học dựa trên nội dung của bài khóa như: Gia đình và xã hội; hôn nhân; giáo dục; lựa chọn giữa công việc và nghỉ ngơi; sự khác	4	[1.2.2.2]

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu CTĐT
	biệt của các thế hệ trong tứ đại đồng đường, con đường tiêu thụ của hàng ngoại và hàng nội, bảo vệ môi trường,...		
<b>MT3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

## 9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CĐR của CTĐT
<b>CĐR1</b>	<b>Kiến thức</b>		
CĐR1.1	Nhớ được từ vựng và các cấu trúc trọng điểm để đặt câu, nghe hiểu các đoạn hội thoại, đoạn văn ngắn tiếng Trung ở trình độ trung cấp.	3	[2.1.5]
CĐR1.2	Hiểu được các cụm từ tổ bốn chữ, các cấu trúc khẩu ngữ và các cách biểu đạt trong các tình huống giao tiếp ở trình độ trung cao cấp liên quan đến các chủ đề như: Gia đình và xã hội; hôn nhân; giáo dục; lựa chọn giữa công việc và nghỉ ngơi; sự khác biệt của các thế hệ trong tứ đại đồng đường, con đường tiêu thụ của hàng ngoại và hàng nội, bảo vệ môi trường,...	4	[2.1.5]
CĐR1.3	Vận dụng các mẫu câu thường dùng trong giao	4	[2.1.5]

<b>CĐR học phần</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Đáp ứng CĐR của CTĐT</b>
	tiếp để tiến hành các chủ đề nói liên quan tới đời sống, văn hoá, phong tục tập quán của người Trung Quốc ở trình độ trung cao cấp.		
<b>CĐR2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
CĐR2.1	Có khả năng làm việc độc lập với những đối tác, cuộc hội thoại giao tiếp tiếng Trung Quốc.	4	[2.2.1]
CĐR2.2	Có kỹ năng dẫn dắt, truyền đạt, phản biện những vấn đề liên quan trong hoạt động nhóm.	4	[2.2.1]
CĐR2.3	Có năng lực phối hợp, giám sát và lập kế hoạch có hiệu quả các hoạt động liên quan đến giao tiếp tiếng Trung Quốc.	4	[2.2.1]
<b>CĐR3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Tuân thủ theo văn hóa giao tiếp của người nói tiếng Trung Quốc trong thực hành kỹ năng nói, đồng thời biết gìn giữ văn hóa giao tiếp của Việt Nam trong giao tiếp hằng ngày và trong công việc.	4	[2.3.2]
CĐR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học.	4	[2.3.2]

**10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần**

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần								
		CDR1			CDR2			CDR3		
		CDR1.1	CD1.2	CDR1.3	CDR2.1	CDR2.2	CDR2.3	CDR3.1	CDR3.2	CDR3.3
1	第一课 家庭与社会	3	3	3	4	4	4	3	4	4
2	第二课 说婚姻	3	3	3	4	4	4	3	4	4
3	第三课 怎样教育孩子	3	3	3	4	4	4	3	4	4
4	第四课 理想的恋人什么样	3	3	3	4	4	4	3	4	4
5	第五课 工作与休息	3	3	3	4	4	4	3	4	4
6	第六课 “上帝”的烦恼	3	3	3	4	4	4	3	4	4
7	第七课 法与普通人	3	3	3	4	4	4	3	4	4
8	第八课 代沟	3	3	3	4	4	4	3	4	4
9	第九课 洋货的冲击与国货的出路	3	3	3	4	4	4	3	4	4
10	第十课 异国印象	3	3	3	4	4	4	3	4	4

## 11. Đánh giá học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	CĐR của học phần			Ghi chú
					CĐR1	CĐR2	CĐR3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên	1 điểm	20%	- Đánh giá chuyên cần. - Chủ đề nói thường xuyên. - Khả năng sáng tạo.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	40%	Thuyết trình theo chủ đề (5 phút/ 1 sv).	CĐR1.1 CĐR1.2, CĐR1.3.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	
3	Điểm kiểm tra kết thúc học phần	1 điểm	40%	Vấn đáp (7 phút/ 1 sv).	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	

### 11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

## 12. Yêu cầu học phần

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các tiết học (tối thiểu 80% số tiết học trên lớp) dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Hoàn thành các bài tập trong giáo trình và đọc tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo quy định của giảng viên.

- Có đầy đủ điểm thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia luyện tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.

- Có đầy đủ dụng cụ và tài liệu học tập: điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

### 13. Tài liệu phục vụ học phần

#### **Tài liệu chính:**

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2019), *Giáo trình Nói 5*.

[2] - Chương Kỳ Hiếu chủ biên (1997), *Khẩu ngữ tiếng Hán cao cấp*, NXB Đại học Văn hóa ngôn ngữ Bắc Kinh.

#### **Tài liệu tham khảo:**

[3] - Mã Trúc Phi chủ biên (2007), *Luyện nói tiếng Trung cấp tốc*, Quyển cao cấp, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh

[4] - Khương Lê Bình (2016), *Giáo trình HSK5 tiêu chuẩn (thượng)*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh

[5] - Khương Lê Bình (2016), *Giáo trình HSK5 tiêu chuẩn (hạ)*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh

### 14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	<p><b>第一课 家庭与社会</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hiểu nghĩa và vận dụng đúng các từ và cụm từ mới trong bài như: 一步登天、图钱、家长里短、牛脾气、望子成龙, ...</li><li>- Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung.</li><li>- Vận dụng các cặp liên từ thường dùng trong khẩu ngữ để đặt câu, giao tiếp như: ...再说...、...归...、...、除...外, 还...、...</li><li>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan đến chủ đề trong bài.</li></ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>一、课文</li><li>二、生词</li><li>三、练习</li></ol>	6 (0LT, 6TH)	<p><b>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, dạy học theo hướng giao nhiệm vụ</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Cung cấp cho sinh viên nhưng tài liệu video, bài báo có liên quan đến chủ đề “家庭与社会”. Yêu cầu sinh viên phát hiện và trình bày nội dung trọng điểm của bài.</li><li>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa.</li><li>+ Hướng dẫn một số cấu trúc ngữ pháp có trong bài.</li><li>+ Nhận xét, đánh giá.</li></ul> <p><b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 11</li><li>+ Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.</li><li>+ Thuyết trình nội dung trọng điểm của bài.</li><li>+ Tóm tắt nội dung chính</li></ul>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.



TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
			bài khóa. + Thuật lại nội dung bài khóa. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 6 - 11.	
2	<p><b>第二课 说婚姻</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các từ và cụm từ mới như: 有外遇、书呆子、有第三者加入、话不投机, ...</li> <li>- Vận dụng các cặp liên từ thường dùng trong khẩu ngữ để đặt câu, giao tiếp như: ... , 况且...、尽管...但...、并不...而...、要么...要么..., ...</li> <li>- Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung.</li> <li>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> <li>二、练习</li> </ul>	6 (OLT, 6TH)	<p><b>Thuyết trình, vấn đáp, dạy học theo hướng giao nhiệm vụ, hoạt động nhóm</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cung cấp cho sinh viên nhưng tài liệu video, bài báo có liên quan đến chủ đề “婚姻” .</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên phát âm những cụm từ mới.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên đặt câu với các cặp liên từ.</li> <li>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa.</li> <li>+ Phân nhóm thảo luận với chủ đề “现代社会的婚姻观” .</li> <li>+ Nhận xét và đánh giá.</li> </ul> <p><b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 12 - 22</li> <li>+ Lắng nghe, luyện phát âm, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Tóm tắt nội dung chính bài khóa.</li> <li>+ Thuyết trình chủ đề “现代社会的婚姻观” theo nhóm (có sử dụng PowerPoint). Các nhóm nhận xét đan xen.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong</li> </ul>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
			[1]: Trang 17- 22.	
3	<p>第三课 怎样教育孩子</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các từ và cụm từ mới như: 惩罚、家庭教育、不打不成材、纨绔子弟, ...</li> <li>- Vận dụng các cặp liên từ thường dùng trong khẩu ngữ để đặt câu, giao tiếp như: 甚至…、…、相反…、既…又…、…</li> <li>- Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung.</li> <li>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> <li>二、练习</li> </ul>	6 (OLT, 6TH)	<p><b>Thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hướng dẫn sinh viên phát âm những từ và cụm từ mới.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên đặt câu với các cặp liên từ.</li> <li>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa.</li> <li>+ Giao bài tập tóm tắt hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Quan sát tranh ảnh, video và kết hợp nội dung bài khóa trình bày quan điểm cá nhân về vấn đề “giáo dục con cái trong xã hội hiện nay”.</li> </ul> <p><b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 23 - 30.</li> <li>+ Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Tóm tắt nội dung chính bài khóa theo cặp.</li> <li>+ Trình bày quan điểm cá nhân về vấn đề “giáo dục con cái” trong xã hội hiện nay.</li> <li>+ Thực hiện chủ đề thuyết trình theo yêu cầu của GV.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 25 - 30.</li> </ul>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
4	<p>第四课 理想的恋人什么样</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu nghĩa và sử dụng đúng từ và cụm từ mới như:</li> </ul>	6 (OLT, 6TH)	<p><b>Thuyết trình, vấn đáp, hoạt động nhóm, đóng vai</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hướng dẫn và giải thích</li> </ul>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<p>阳刚美、举足轻重、钢铤、望而生畏、失之偏颇, ...</p> <p>- Vận dụng các cặp liên từ thường dùng trong khẩu ngữ để đặt câu, giao tiếp như: ... , 当然...、并不是非...不可、..., 总之...、..., 起码..., ...</p> <p>- Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung.</p> <p>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、练习</p>		<p>cho sinh viên những từ, cụm từ và cấu trúc cần thiết.</p> <p>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa.</p> <p>+ Cung cấp tài liệu tranh ảnh, video liên quan đến chủ đề bài khóa, thiết kế tình huống, phân vai cho từng sinh viên theo nhóm.</p> <p><b>Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 31 - 37.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Tóm tắt nội dung chính bài khóa.</p> <p>+ Vận dụng từ mới và cấu trúc trọng điểm trong bài thiết kế lời thoại, hoàn thành bài tập đóng vai theo tình huống.</p> <p>+ Quan sát, lắng nghe rồi đưa ra nhận xét của mình khi hoạt động hoàn tất.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 35 - 37.</p>	CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
5	<p><b>第五课 工作与休息</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <p>- Hiểu nghĩa và sử dụng đúng từ và cụm từ mới như: 潇洒、固执、私下里问、相投的人、互帮互利、见世面,...</p> <p>- Vận dụng các cặp liên từ thường dùng trong khẩu ngữ để đặt câu, giao tiếp như: 如</p>	6 (0LT, 4TH, 2KT)	<p><b>Thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <p>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên đặt câu với các cặp liên từ.</p> <p>+ Giao nhiệm vụ, yêu cầu sinh viên tìm tư liệu, thuyết trình hai vấn đề:</p> <p>1、中外“休息”形式、</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<p>果…，那么…、…，又…，还…，（也…）、…就…，不…就…、一是…，二是…</p> <p>- Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung.</p> <p>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、练习</p> <p><b>* Kiểm tra định kỳ bài kiểm tra số 1.</b></p>		<p>方式比较。</p> <p>2、你对中外“休息”形式、方式的异同怎么看？这反映出了什么？</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p><b>Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 38 - 46.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Tóm tắt nội dung chính bài khóa.</p> <p>+ Hoàn thành nhiệm vụ thuyết trình.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 42 - 46.</p> <p>+ Thực hiện bài kiểm tra đánh giá số 1.</p>	
6	<p>第六课 “上帝”的烦恼</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <p>- Hiểu nghĩa và sử dụng đúng từ và cụm từ mới như: 门市部、款式新颖、价钱公道、不瞒您说, ...</p> <p>- Vận dụng các cặp liên từ thường dùng trong khẩu ngữ để đặt câu, giao tiếp như: 不是…就是…、…要是…又…、哪种…哪种…、谁…谁…、爱…不…</p> <p>- Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung.</p> <p>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài.</p>	6 (OLT, 6TH)	<p><b>Thuyết trình, vấn đáp, đóng vai</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên đặt câu với các cặp liên từ.</p> <p>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa.</p> <p>+ Giao nhiệm vụ: yêu cầu sinh viên đóng vai “khách hàng” thuật lại câu chuyện.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p><b>Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 47 - 56.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、练习		+ Tóm tắt nội dung chính bài khóa. + Hoàn thành nhiệm vụ đóng vai. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 52 - 56.	
7	<b>第七课 法与普通人</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng từ và cụm từ mới như: 订合同、民事、形式、承揽方, ... - Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung. - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、练习	6 (OLT, 6TH)	<b>Thuyết trình, vấn đáp, hoạt động nhóm, đóng vai</b> <b>- Giảng viên:</b> + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa. + Phân nhóm, các nhóm phân vai mô phỏng lại hội thoại trong bài khóa. + Nhận xét, đánh giá. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 57 - 64. + Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Tóm tắt nội dung chính bài khóa. + Hoàn thành nhiệm vụ đóng vai. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 60 - 64.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
8	<b>第八课 代沟</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Hiểu nghĩa, phát âm và vận dụng đúng từ và cụm từ mới như: 深沟、真才实学、体力劳动、收心、干坐, ... - Đọc lưu loát bài khóa. - Vận dụng các cặp liên từ thường dùng trong khẩu ngữ để đặt câu, giao tiếp như: ...	6 (OLT, 6TH)	<b>Thuyết trình, vấn đáp, hoạt động nhóm, dạy học theo hướng giao nhiệm vụ</b> <b>Giảng viên:</b> + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa. + Hướng dẫn sinh viên đặt câu với cặp liên từ trọng điểm trong bài. + Giao chủ đề thảo luận theo nhóm nhỏ:	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<p>, 特别是…、要想…就…、…，至于…、不是…，而是…、本来…，后来…、…</p> <p>- Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung.</p> <p>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、练习</p>		<p>1、“代沟”的存在是必然的吗？</p> <p>2、理想的父母应该是什么样的？</p> <p>3、“好孩子”的标准是什么？</p> <p>4、学习成绩好的孩子是否进入社会后一定有出息？</p> <p>5、家庭教育的内容应该包括什么？</p> <p>6、如何能使孩子成才？</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p><b>Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p> <p>[1]: Trang 65 - 71.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Tóm tắt nội dung chính bài khóa.</p> <p>+ Trình bày vấn đề thảo luận.</p> <p>Các nhóm nhận xét đan xen.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 67 - 71.</p>	
9	<p>第九课 洋货的冲击与国货的出路</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <p>- Hiểu nghĩa và sử dụng đúng từ và cụm từ mới như: 洋货、进口额、势头有增无减、积压, ...</p> <p>- Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung.</p> <p>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan</p>	5 (OLT, 5TH)	<p><b>Thuyết trình, phát vấn, tranh biện nhanh</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <p>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa.</p> <p>+ Đưa ra vấn đề “Sự xâm nhập của hàng ngoại - tác động tích cực và tiêu cực” yêu cầu sinh viên vận dụng từ mới, cấu trúc trọng điểm và nội dung bài khóa trình</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>chủ đề trong bài.  <b>Nội dung cụ thể:</b>            一、课文            二、练习</p>		<p>bày và giải quyết vấn đề.            + GV xây dựng kế hoạch tranh biện với hai vấn đề:            (1) 洋货冲击的好处            (2) 洋货冲击的坏处            + Nhận xét, đánh giá.  <b>Sinh viên:</b>            + Đọc trước tài liệu:            [1]: Trang 72 - 77.            + Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.            + Tóm tắt nội dung chính bài khóa.            + Tích cực, chủ động, sáng tạo giải quyết và tranh biện chủ đề được giao.            + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 74 - 77.</p>	
10	<p><b>第十课 异国印象</b>  <b>Mục tiêu bài:</b>            - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng từ và cụm từ mới như: 背后、祸不单行、古都明珠、固体废弃物、常年超标、生态破坏, ...            - Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung.            - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài.  <b>Nội dung cụ thể:</b>            一、课文            二、练习</p>	7 (OLT, 4TH, 3KT)	<p><b>Thuyết trình, vấn đáp, hoạt động nhóm</b>  <b>Giảng viên:</b>            + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa.            + Xây dựng hoạt động thảo luận nhóm với chủ đề:            1、环境污染破坏的现象级造成的后果危害            2、环境污染得不到控制的原因            3、如何保护环境，防止污染破坏            + Nhận xét, đánh giá.  <b>Sinh viên:</b>            + Đọc trước tài liệu:            [1]: Trang 78 - 84.            + Lắng nghe, quan sát</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<p>- Vận dụng cấu trúc thường dùng trong khẩu ngữ để đặt câu như: 不再...而是、靠...吃饭、...不在话下, ...</p> <p>- Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung.</p> <p>- Có kỹ năng thảo luận nhóm, tự tin đứng trước đám đông trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、练习</p>		<p>nhân với chủ đề “网络给我们带来的好处和坏处”</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p><b>Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 177 - 184.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Tóm tắt nội dung chính bài khóa</p> <p>+ Thuật lại nội dung bài khóa.</p> <p>+ Trình bày chủ đề thuyết trình, tự đánh giá.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 185 - 188.</p>	CĐR3.3.

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



**TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên**

**Nguyễn Đăng Tiên**

**Nguyễn Thị Hoa**